

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ				
01	1. Tiền thu từ các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu		886.621.953.395	836.535.468.405
02	2. Tiền chi các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu		(799.872.352.551)	(795.229.299.347)
03	3. Tiền chi trả người lao động		(10.756.421.715)	(10.813.785.765)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(14.392.168.318)	(16.163.410.352)
05	5. Thuế TNDN đã nộp		(2.375.726.940)	(1.520.062.307)
06	6. Tiền thu khác		81.104.731.994	28.894.861.751
07	7. Tiền chi khác		(4.577.493.241)	(5.519.290.817)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ		135.752.522.624	36.184.481.568
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(69.300.000)	(93.500.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(582.500.000.000)	(564.000.000.000)
24	3. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		599.900.000.000	629.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(13.888.644.000)
27	5. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		27.767.777.526	35.701.396.312
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		45.098.477.526	86.719.252.312
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(51.496.244.802)	(31.787.016.802)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(51.496.244.802)	(31.787.016.802)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		129.354.755.348	91.116.717.078
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		284.344.970.274	193.228.253.196
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	413.699.725.622	284.344.970.274

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2025
 Người lập biểu

 Đỗ Minh Đức

Kế toán trưởng

 Nguyễn Hùng

Người đại diện theo pháp luật

 Nguyễn Ngọc Huân

